

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN SÌN HỒ

TỈNH LAI CHÂU

Bản án số: 30/2021/HS-ST

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Hằng Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vàng A Măng và Bà Nguyễn Thị Thu

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ A Thái - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Tần Lưu Ngan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 24/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo: **Lò Văn H**; sinh năm: 1992; nơi sinh: huyện TG, tỉnh DB; nơi cư trú: bản EP, xã QT, huyện TG, tỉnh DB; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Thái; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Lò Văn N và bà Quàng Thị S; có vợ là Lò Thị T và 02 con (con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2015); tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ 08 giờ 00 phút, ngày 29 tháng 01 năm 2021 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa: Ông Lê Mạnh Hùng

Là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý của Nhà nước tỉnh Lai Châu; vắng mặt có lý do (có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt người bào chữa).

Bị hại:

Ông Tần Quan P; sinh năm: 1982; trú tại: khu phố 1, thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu; có mặt;

Bà Tần Mỹ H1; sinh năm: 1984; trú tại: khu phố 1, thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu; vắng mặt (đã ủy quyền cho chồng là ông Tần Quan P tham gia tố tụng).

Ông Tản Xuân A; sinh năm: 1993; trú tại: khu phố 4, thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu; có mặt.

Bà Triệu Thị L; sinh năm: 2000; trú tại: khu phố 4, thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu; vắng mặt (đã ủy quyền cho chồng là ông Tản Xuân A tham gia tố tụng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Đức Hiếu; sinh năm: 1985; trú tại: khối Thắng Lợi, thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; vắng mặt;

Lò Thị Thắm; sinh năm: 1992; trú tại: bản Én Pậu, xã Quài Tở, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; vắng mặt.

Tòng Thị Mái; sinh năm: 1973; trú tại: bản Món, xã Quài Tở, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; vắng mặt.

Quàng Thị Định; sinh năm: 1981; trú tại: xã Đứa, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; vắng mặt.

Người làm chứng:

Ông Quàng Văn Thiện; sinh năm: 1957; trú tại: bản Én Pậu, xã Quài Tở, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; vắng mặt;

Cháu: Lò Văn Thân; sinh năm: 2005; trú tại: bản Én Pậu, xã Quài Tở, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lò Văn H đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản Én Pậu xã Quài Tở huyện Tuần Giáo tỉnh Điện Biên, nhưng thường xuyên đi khỏi nơi cư trú và sinh sống tại bản Hoàng Hồ xã Phăng Sô Lin huyện Sìn Hồ tỉnh Lai Châu mà không đăng ký tạm trú. Khoảng 02 giờ sáng ngày 18/12/2020, H đi bộ đến thị trấn Sìn Hồ, mục đích tìm tài sản để trộm cắp. Khi H đi qua dãy nhà trọ của vợ chồng anh Tản Quan Pao, chị Tản Mỹ H1 tại khu 1 thị trấn Sìn Hồ huyện Sìn Hồ thì phát hiện trong sân nhà trọ dựng 01 chiếc xe gắn máy, nhãn hiệu Espero, loại 50C3, biển kiểm soát 25AA-021.67 (thuộc sở hữu của anh Pao, chị H1). H quan sát thấy mọi người trong phòng trọ đã ngủ nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe làm phương tiện đi lại. H đi vào trong sân phòng trọ dắt chiếc xe gắn máy đi ra ngoài đường. Sau đó, H dùng tay rút dây điện mở khóa xe, đạp nổ và điều khiển xe đi về huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Khi đi đến nhà anh Quàng Văn Thiện (cậu ruột Lò Văn H), tại bản Én Pậu xã Quài Tở huyện Tuần Giáo tỉnh Điện Biên, H để chiếc xe gắn máy trộm cắp dưới sân nhà nhưng không hỏi ý kiến anh Thiện. Ngày 20/12/2020, H tháo biển số xe gắn máy đưa cho cháu Lò Văn Thân (cháu ruột H) cất giữ. H không nói cho anh Thiện, cháu Thân biết nguồn gốc

chiếc xe gắn máy và biển số xe là tài sản do trộm cắp mà có. Ngày 26/01/2021, anh Lò Văn Thiện phát hiện chiếc xe gắn máy để dưới sàn nhà là do Lò Văn H gửi nhờ. Anh Thiện nghi ngờ chiếc xe gắn máy do H trộm cắp mà có nên đã trình báo vụ việc cho Công an xã Quài Tở huyện Tuần Giáo tỉnh Điện Biên. Sau đó, Công an xã Quài Tở chuyển vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sìn Hồ để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngoài lần trộm cắp tài sản trên, quá trình điều tra Lò Văn H đã tự thú, khai báo về lần trộm cắp tài sản trước đó như sau:

Khoảng 01 giờ sáng ngày 16/12/2020, Lò Văn H đi qua cửa hàng tạp hóa của vợ chồng anh Tấn Xuân A, chị Triệu Thị L tại khu 3 thị trấn Sìn Hồ huyện Sìn Hồ, thấy anh A đi ra ngoài ăn đêm, H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của anh An, chị Loan. H chui qua ô thoáng cửa sổ phía trước cửa hàng tạp hóa rồi đi vào khu vực buồng ngủ, H lấy trộm 01 chiếc túi vải (bên trong đựng tiền, thẻ cào điện thoại) và 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, loại 6 Plus màu trắng (đều thuộc sở hữu của vợ chồng anh A, chị L) để gần cửa phòng ngủ. Sau đó, H cất giấu chiếc điện thoại trong túi quần bên phải, tay trái cầm túi vải rồi chui qua ô thoáng cửa sổ đi ra ngoài. Khi đi đến khu vực giáp ranh giữa khu 3 thị trấn Sìn Hồ và xã Phăng Sô Lin huyện Sìn Hồ, H mở chiếc túi vải ra kiểm đếm được số tiền mặt 3.000.000 đồng (gồm các tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng, 100.000 đồng, 50.000 đồng, 20.000 đồng, 10.000 đồng, một số tờ tiền lẻ mệnh giá 5.000 đồng 2.000 đồng, 1.000 đồng) và số thẻ cào điện thoại có tổng trị giá 4.000.000 đồng (gồm các thẻ cào điện thoại Viettel, thẻ cào điện thoại Vinaphone có mệnh giá 100.000 đồng, 50.000 đồng, 20.000 đồng). H cất giấu tiền và thẻ cào điện thoại trong túi quần bên phải, còn chiếc túi vải H bỏ lại ở bờ suối gần đường. Sau đó, H mang số tiền 3.000.000 đồng đi tiêu sài hết. Cuối tháng 12/2020, Lò Văn H mang chiếc điện thoại Iphone 6 Plus và số thẻ cào điện thoại có trị giá 1.800.000 đồng bán cho anh Nguyễn Đức Hiếu, sinh năm 1985, trú tại khối Thắng Lợi, thị trấn Tuần Giáo huyện Tuần Giáo tỉnh Điện Biên lấy số tiền 950.000 đồng. Ngoài ra, Lò Văn H bán và cho chị Lò Thị Thắm, chị Tòng Thị Mái, chị Quàng Thị Định, đều trú tại xã Quài Tở huyện Tuần Giáo tỉnh Điện Biên số thẻ cào có tổng trị giá 400.000 đồng. H không nói cho anh Hiếu, chị Thắm, chị Mái, chị Định biết nguồn gốc tài sản là do trộm cắp mà có. Số thẻ cào điện thoại còn lại, H bán cho những người không rõ lai lịch tại huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu và huyện Tuần Giáo tỉnh Điện Biên. Tiền bán điện thoại và thẻ cào điện thoại, H mang đi tiêu sài hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 03/KL-HĐĐGTS, ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu kết luận: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu ESPERO màu xanh, loại xe: 50C3,

dung tích 49,5 vành nan hoa, tại thời điểm định giá (tháng 01 năm 2021) có giá trị là 8.580.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 31/KL-HĐĐGTS, ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu kết luận: 01 chiếc điện thoại Iphone 6 Plus màu trắng, cũ, qua sử dụng, mua từ năm 2019, tại thời điểm định giá (tháng 12 năm 2020) có trị giá 1.200.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 25/CT-VKSSH ngày 27 tháng 5 năm 2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu để xét xử Lò Văn H về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Lò Văn H thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đã truy tố; không oan, không sai; bị hại anh Tẩn Quan P đề nghị trả lại chiếc xe gắn máy cùng biển số xe bị trộm cắp, yêu cầu bị cáo bồi thường 01 triệu đồng tiền sửa chữa, khắc phục hư hại của xe do hành vi trộm cắp của bị cáo gây ra. Bị hại anh Tẩn Xuân A đề nghị trả lại chiếc điện thoại bị trộm cắp và yêu cầu Lò Văn H bồi thường số tiền 7.000.000 đồng là giá trị tài sản do bị cáo trộm cắp. Theo Biên bản ghi lời khai hỏi 14 giờ 00 phút, ngày 12/02/2021 tại khối Thắng Lợi, thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên, do Điều tra viên Tẩn A Đạt ghi lời khai của người có quyền lợi liên quan anh Nguyễn Đức Hiếu thể hiện, anh Hiếu không yêu cầu gì.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố, bị cáo Lò Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lò Văn H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự;

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại Tẩn Quan P yêu cầu bị cáo bồi thường 1 triệu đồng là chi phí sửa chữa, khắc phục thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, bị cáo đồng ý. Xét thấy, thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và bị hại là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự, Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Cần áp dụng Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự để chấp nhận sự thỏa thuận này; Bị hại Tẩn Xuân A yêu cầu bị cáo phải bồi thường 3 triệu đồng tiền mặt và 4 triệu đồng là giá trị thẻ nạp tiền điện thoại bị cáo đã trộm cắp. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Xét thấy, thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và bị hại là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự, Điều 48 của Bộ luật

Hình sự. Cần áp dụng Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự để chấp nhận sự thỏa thuận này; Người có quyền lợi liên quan anh Nguyễn Đức Hiếu không yêu cầu bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để trả lại cho bị hại Tần Quan P và Tần Mỹ H1 vật chứng gồm: 01 chiếc xe gắn máy, nhãn hiệu Espero, loại 50c; 01 biển kiểm soát 25AA-021.67; 01 bộ hộp xích xe nhãn hiệu Espero và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe; Trả lại cho bị hại Tần Xuân A và Triệu Thị L vật chứng gồm: 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, loại 6 Plus màu trắng; 01 sạc điện thoại Iphone và 01 sạc điện thoại nhãn hiệu Earldom; Đối với 01 chiếc quần bò, 01 chiếc áo sơ mi cộc tay, do các tài sản này không phải là vật chứng trong vụ án, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Trả lại cho bị cáo Lò Văn H. Đối với 01 chiếc túi vải Lò Văn H bỏ lại ở bờ suối gần đường, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không có kết quả. Đối với số thẻ cào điện thoại Lò Văn H trộm cắp, những người mua và được tặng cho đã sử dụng hết nên Cơ quan điều tra không thu hồi được, nên không đề cập xử lý trong vụ án này.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo: Về nguyên nhân phạm tội và hậu quả: Do thiếu tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo đã túng quần làm liều và thực hiện hành vi mà không nghĩ đến hậu quả gây ra cho người bị hại. Khi bị bắt, bị cáo đã chủ động khai báo thành khẩn về việc làm của mình. Trong vụ án, cũng do một phần lỗi từ bị hại thiếu cảnh giác, một phần cũng vì tin tưởng nên đã đưa tiền cho bị cáo, tạo điều kiện cho các bị cáo thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Về nhân thân của bị cáo: Lò Văn H là người dân tộc thiểu số, sinh ra và lớn lên trong một gia đình thuần nông tại xã Quài Tở, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên là xã khu vực III, là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025. Bản thân bị cáo chỉ học hết lớp 9 đã phụ giúp gia đình tham gia lao động sản xuất, sớm bươn trải ngoài xã hội, môi trường phức tạp nên không tránh khỏi bị sa ngã, tiêu cực, bản thân bị cáo đã phải chịu những ảnh hưởng tiêu cực của xã hội. Bị cáo không có việc làm hay thu nhập ổn định; hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo rất khó khăn, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo. Trước khi bị bắt bị cáo là lao động chính trong gia đình có 02 con nhỏ dưới độ tuổi lao động chung sống phụ thuộc. Về các tình tiết giảm nhẹ:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã hối hận, thành khẩn khai nhận hành vi của mình những mong chuộc lại lỗi lầm hưởng sự khoan hồng của pháp luật, điều này cũng phù hợp với chính sách nhân đạo của nhà nước ta trong nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội quy định tại Điều 3 BLHS - khoan hồng đối với người thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tại cơ

quan điều tra, bị cáo đã tự mình nhận tội và khai ra những lần phạm tội khác của bị cáo thực hiện mà chưa bị phát hiện. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Tấn A P, chị Tấn Mỹ H1 đề nghị trả lại chiếc xe máy trộm cắp, không yêu cầu bị cáo bồi thường. Bị hại Tấn Xuân A, chị Triệu Thị L đề nghị trả lại chiếc điện thoại bị trộm cắp và yêu cầu bị cáo bồi thường 7.000.000 đồng. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường. Trong quá trình điều tra vụ án, chiếc xe máy nhãn hiệu Espero, biển kiểm soát, đăng ký xe của bị hại Tấn A P, Tấn Mỹ H1; chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus của bị hại Tấn Xuân A, Triệu Thị L đang bị tạm giữ tại kho vật chứng, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 106 BLTTHS xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật. Còn đối với số tiền 7.000.000 đồng bị hại A, L đề nghị bị cáo bồi thường là tổng số tiền và mệnh giá thẻ cào điện thoại bị cáo đã trộm cắp đề nghị HĐXX căn cứ ý kiến của bị cáo tại phiên tòa để giải quyết trách nhiệm dân sự của bị cáo theo đúng quy định. Về hình phạt bổ sung và án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, cư trú tại xã có điều kiện đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo. Vì vậy, đề nghị HĐXX miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo theo quy định tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án; miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo Khoản 5 Điều 173 BLHS. Đề nghị HĐXX: Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 5 Điều 173; Điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS và các tình tiết về nguyên nhân phạm tội, hậu quả tội phạm, nhân thân và hoàn cảnh gia đình bị cáo để xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo Khoản 5 Điều 173 BLHS. Về án phí: Áp dụng điểm đ Khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí HSST đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX căn cứ ý kiến của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để giải quyết về trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các tài liệu, chứng cứ được thu thập theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Nên các

hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Đánh giá chứng cứ, yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thu thập đúng trình tự thủ tục tố tụng hình sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Có đủ cơ sở để xác định bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Trong các ngày 16, 18/12/2020, tại khu 1 và khu 3 thị trấn Sìn Hồ huyện Sìn Hồ tỉnh Lai Châu, Lò Văn H đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp chiếm đoạt tiền và tài sản có tổng trị giá 16.780.000 đồng của các bị hại anh Tần Quan Pao, chị Tần Mỹ H1, anh Tần Xuân A, chị Triệu Thị L. Lần 1, ngày 16/12/2020, tại khu 3 thị trấn Sìn Hồ huyện Sìn Hồ, Lò Văn H trộm cắp số tiền 3.000.000 đồng, số thẻ cào điện thoại có tổng trị giá 4.000.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, loại 6 Plus màu trắng có trị giá 1.200.000 đồng của vợ chồng anh Tần Xuân A, chị Triệu Thị L. Lần 2, ngày 18/12/2020, tại khu 1 thị trấn Sìn Hồ huyện Sìn Hồ, Lò Văn H trộm cắp 01 chiếc xe gắn máy, nhãn hiệu Espero, loại 50c, biển kiểm soát 25AA-021.67 có trị giá 8.580.000 đồng của vợ chồng anh Tần Quan P, chị Tần Mỹ H1. Mục đích trộm cắp tài sản của Lò Văn H để sử dụng và bán lấy tiền tiêu sài. Bị cáo Lò Văn H là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do vậy, bị cáo Lò Văn H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Những chứng cứ buộc tội, yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ pháp lý và phù hợp với hành vi các bị cáo đã thực hiện, phù hợp với nhân thân của bị cáo.

Luận cứ bào chữa và phản đề nghị của Người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ pháp lý và phù hợp với hành vi các bị cáo đã thực hiện, phù hợp với nhân thân của bị cáo, nên được chấp nhận.

Hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức xã hội. Vì ham hưởng thụ nhưng lười lao động, vì lòng tham nên đã thực hiện hành vi phạm tội để có tiền tiêu sài. Cần áp dụng một hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất và mức độ nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện, để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, đồng thời giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo hai lần thực hiện hành vi phạm tội, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên bị cáo phải chịu

tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên”, theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với hành vi phạm tội vào ngày 16 tháng 12 năm 2020, khi hành vi của bị cáo chưa bị phát hiện, bị cáo đã tự khai ra hành vi phạm tội của mình, nên bị cáo được giảm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “người phạm tội tự thú” theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với lần phạm tội này. Việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng trong pháp luật của Nhà nước.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, không có khả năng thi hành hình phạt tiền. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị cáo và bị hại Tấn Quan P tự nguyện thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại, theo đó, bị cáo phải bồi thường cho bị hại Tấn Quan P 1.000.000 đồng là chi phí sửa chữa, khắc phục thiệt hại do hành vi phạm tội của người bị hại gây ra. Xét thấy, thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và bị hại là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự, Điều 48 của Bộ luật Hình sự, cần áp dụng Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự để chấp nhận sự thỏa thuận này.

Bị cáo và bị hại Tấn Xuân A tự nguyện thỏa thuận về việc bồi thường, theo đó, bị cáo phải bồi thường cho bị hại Tấn Xuân A 3.000.000 đồng tiền mặt và 4.000.000 đồng là giá trị thẻ nạp tiền điện thoại bị cáo đã trộm cắp. Xét thấy, thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và bị hại là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự, Điều 48 của Bộ luật Hình sự, cần áp dụng Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự để chấp nhận sự thỏa thuận này.

Người có quyền lợi liên quan anh Nguyễn Đức Hiếu không yêu cầu bồi thường, nên Hội đồng xét xét xử không xem xét giải quyết.

Theo quy định tại các Điều 358 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự: Trường hợp bị cáo chậm trả tiền cho bị hại thì bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác

định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi xuất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[7] Về xử lý vật chứng:

Cần áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để trả lại cho bị hại Tấn Quan P và Tấn Mỹ H1 vật chứng gồm: 01 chiếc xe gắn máy, nhãn hiệu Espero, loại 50c; 01 biển kiểm soát 25AA-021.67 là tài sản thuộc quyền sở hữu của ông P và bà H1; ngoài ra, ông P và bà H1 được trả lại đối với 01 bộ hộp xích xe nhãn hiệu Espero và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe do ông P giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sìn Hồ; Trả lại cho bị hại Tấn Xuân An và Triệu Thị Loan vật chứng gồm: 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, loại 6 Plus màu trắng, cũ đã qua sử dụng do bị cáo đã chiếm đoạt; 01 chiếc sạc Iphone màu trắng, cũ đã qua sử dụng và 01 sạc điện thoại nhãn hiệu Earldom, màu trắng, cũ đã qua sử dụng do bị hại Tấn Xuân A giao nộp.

Đối với 01 chiếc quần bò, 01 chiếc áo sơ mi cộc tay, do các tài sản này không phải là vật chứng trong vụ án, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Cần áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, để trả lại cho bị cáo Lò Văn H.

Đối với 01 chiếc túi vải Lò Văn H bỏ lại ở bờ suối gần đường, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không có kết quả. Đối với số thẻ cào điện thoại Lò Văn H trộm cắp, những người mua và được tặng cho đã sử dụng hết nên Cơ quan điều tra không thu hồi được, nên không đề cập xử lý trong vụ án này.

[8] Về án phí: Theo quy định tại Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên bị cáo được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[10] Về trách nhiệm của người có liên quan:

Đối với anh Quảng Văn Thiện là chủ sở hữu ngôi nhà Lò Văn H gửi nhờ chiếc xe gắn máy, cháu Lò Văn Thân là người cất giữ chiếc biển số xe. Quá

trình điều tra xác định anh Thiện, cháu Thân không biết chiếc xe gắn máy và biển số xe là tài sản do Lò Văn H trộm cắp mà có. Sau khi biết chiếc xe gắn máy của Lò Văn H gửi nhờ, anh Thiện đã trình báo Công an xã Quài Tở huyện Tuần Giáo tỉnh Điện Biên. Do vậy, anh Quảng Văn Thiện, cháu Lò Văn Thân không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội: “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Đối với anh Nguyễn Đức Hiếu là người đã mua chiếc điện thoại và thẻ cào điện thoại của Lò Văn H. Chị Lò Thị Thắm, chị Tông Thị Mái và chị Quảng Thị Định là những người đã mua, được Lò Văn H tặng cho thẻ cào điện thoại. Quá trình điều tra xác định anh Hiếu, chị Thắm, chị Mái, chị Định không biết điện thoại và thẻ cào điện thoại là tài sản do Lò Văn H trộm cắp mà có. Do vậy, anh Nguyễn Đức Hiếu, chị Lò Thị Thắm, chị Tông Thị Mái và chị Quảng Thị Định không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Đối với những người mua thẻ cào điện thoại của Lò Văn H tại huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu và huyện Tuần Giáo tỉnh Điện Biên, H khai không rõ lai lịch nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra làm rõ.

Quá trình điều tra, Lò Văn H còn khai nhận: cuối tháng 11/2020 tại xã Tà Lèng huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu, Lò Văn H thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô của một người tên Huân. Đầu tháng 01/2021, tại bản Pá Vạt xã Mường Luân huyện Điện Biên Đông tỉnh Điện Biên, Lò Văn H đã thực hiện hành vi trộm cắp tiền và tài sản một gia đình trong bản Pá Vạt. Đối với các hành vi có dấu hiệu tội phạm trên của Lò Văn H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sìn Hồ đã thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Điện Biên Đông tỉnh Điện Biên tiếp nhận để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2021/HSST, ngày 28/6/2021 bị cáo Lò Văn H đã bị Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu tuyên bố phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, và xử phạt 09 tháng tù. Ngày 28/7/2021 bản án đã có hiệu lực pháp luật; ngày 30 tháng 7 năm 2021 Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu đã ra Quyết định thi hành án phạt tù số: 33/2021/QĐ-CA đối với bị cáo. Hội đồng xét xử sẽ tổng hợp hình phạt của hai bản án đối với bị cáo theo quy định tại Điều 55, 56 của Bộ luật Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự

1. Tuyên bố:

Bị cáo Lò Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”,

Xử phạt bị cáo Lò Văn H 02 (hai) năm tù,

Áp dụng Điều 55 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 09 tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2021/HSST, ngày 28/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu, bị cáo phải chấp hành 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giam (ngày 29 tháng 01 năm 2021).

2. Trách nhiệm dân sự:

Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự, Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa những bị hại với bị cáo, theo đó:

Bị cáo phải bồi thường 1.000.000 (một triệu) đồng cho người bị hại Tần Quan P và Tần Mỹ H1.

Bị cáo phải bồi thường 7.000.000 (bảy triệu) đồng cho người bị hại Tần Xuân A và Triệu Thị L.

Áp dụng các Điều 358 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự: Trường hợp bị cáo chậm trả tiền cho bị hại thì bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi xuất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị hại Tần Quan P và Tần Mỹ H1 vật chứng gồm: 01 chiếc xe gắn máy nhãn hiệu ESPERO màu xanh, loại 50c, số máy 39MB3429758, số khung B4PEJA429758; 01 biển kiểm soát 25AA-021.67; 01 bộ hộp xích xe nhãn hiệu ESPERO và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy, mô tô số 047002 mang tên Chèo Linh Xuân.

Trả lại cho bị hại Tần Xuân A và Triệu Thị L vật chứng gồm: 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 6 plus màu trắng, cũ đã qua sử dụng; 01 chiếc sạc Iphone màu trắng, cũ đã qua sử dụng và 01 sạc điện thoại nhãn hiệu Earldom, màu trắng, cũ đã qua sử dụng.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo Lò Văn H 01 chiếc quần bò, màu xanh than, cũ đã qua sử dụng; 01 chiếc áo sơ mi cộc tay, màu rằn ri, phía trước ngực có 02 túi áo, phía trên túi áo bên

trái có chữ U-S-ARMY, do các tài sản này không phải là vật chứng trong vụ án, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

4. Án phí sơ thẩm: Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 13 tháng 8 năm 2021); bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Quyền, nghĩa vụ thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Sìn Hồ;
- CQCSĐT CA huyện Sìn Hồ;
- CQTHAHS CA huyện Sìn Hồ;
- CC THADS huyện Sìn Hồ;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Bị hại; Người có ql, nvlq;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Hằng Hải